TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 273/2024/HC-PT
Ngày: 06/05/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến

Các Thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng

Ông Phạm Việt Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: ***Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên cao cấp.***

Ngày 06 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 14/2024/TLPT-HC ngày 05 tháng 01 năm 2024 do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 217/2023/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Đồng Văn H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội; Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972; bơi cư trú: Số A ngõ H phố H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch và UBND huyện M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Thanh H1- Phó Chủ tịch UBND huyện M. Vắng mặt.

2. Chủ tịch và UBND xã T, huyện M:

Người đại diên theo ủy quyền: Ông Trần Văn K, Chức vụ: Phó chủ tịch; Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Đều vắng mặt):

Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1977

Anh Đồng Văn H3, sinh năm 1996

Chị Đồng Mai L, sinh năm 1990

Anh Đồng Văn Q1, sinh năm 2004

Cùng nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, người khởi kiện trình bày như sau:

Về nguồn gốc đất: Từ trước những năm 1990, do nhu cầu củng cố, bồi đắp đê sông H, các khu đất gần chân đê của các địa phương đã được sử dụng vào việc đào lấy đất để đắp đê. Việc lấy đất đắp đê để lại những thùng sâu xen kẽ nhau, trũng thấp, không thể canh tác. Khu đất nay gia đình ông đang sử dụng thuộc diện đất hoang hoá, không có người sử dụng, giao không ai nhận vì không canh tác được. Trước tình hình địa phương cần ngân sách cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn đổi mới, chính quyền địa phương, Đảng uỷ các cấp đã họp và thống nhất thông qua Nghị quyết hội nghị UBND xã T- thôn Đ ngày 30/1/1996, Nghị quyết hội nghị thầu ngày 8/2/1996 và Hội nghị của UBND xã T, Hợp tác xã N ngày 9/2/1996. Sau nhiều ngày thông tin trên loa phát thanh của xã, cấp uỷ đã quyết định cho thuê các diện tích đất khu Ao Cá với thời hạn là 20 năm (1996 - 2016) và nộp tiền 01 lần cho thời hạn sử dụng. Tháng 3/1996, gia đình ông được UBND xã T cho thuê đất tại Khu A, thôn Đ, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội để sản xuất ổn định lâu dài. Diện tích đất này trước khi ký hợp đồng nộp tiền để được sử dụng đất, trước khi chính quyền địa phương bàn giao cho gia đình ông là khu đất không thể canh tác được, việc chăn nuôi, thả cá, trồng trọt đều không thực hiện được. Sau khi giao nhận đất, gia đình ông đã phải huy động vốn (bán đất thổ cư, vay vốn ngân hàng, …) để đầu tư cải tạo, san lấp mặt bằng để có thể sản xuất, chăn nuôi, đào ao thả cá, trông cây ăn quả, xây dựng các công trình nhà ở, cơ sở dịch vụ kinh doanh, dịch vụ ăn uống trên đất, …nhằm nâng cao hiệu suất kinh tế. Chi phí đầu tư mỗi mẫu đất được ước tính khoảng 1 tỷ đồng (tính theo giá trị năm 1996).

Ngày 15/12/2003, hộ ông Đồng Văn H đã được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy 02288/QSDĐ/2166/QĐ-UB vào ngày 15/12/2003 với tổng diện tích 5.530m^2 đất thuộc thửa đất số 12^c và 27^c, tờ bản đồ số 6 có địa chỉ tại: Thôn Đ, xã T, M, Vĩnh Phúc (nay là thành phố Hà Nội) theo hồ sơ đo đạc năm 2005.

Cụ thể, các công trình trên đất của gia đình ông như sau:

- Công trình số 1 (quán cà phê):

Một phần xây dựng bằng gạch chỉ, vữa xi măng cát, tường 110mm. Chiều cao tường 90cm, phía trên lắp dựng 08 cột tuýp ϕ 110, kèo xà gồ bằng thép V, mái lợp tôn, nền lát gạch, xung quanh có quây các tấm thanh gỗ, xây 01 bức tường cao 3,2m.

Diện tích: dài 13,2m x rộng 4,2m x cao 3,2m;

- Công trình số 2 (nhà ở và quầy lễ tân):

Xây dựng bằng gạch chỉ, tường 110mm, vữa xi măng cát, kèo xà gồ bằng sắt V, mái lợp tôn, trần nhựa, nền lát gạch men.

Diện tích: dài 15,3m x rộng 8,2m x cao 3,2m; Hiên nhà dựng 02 cột tuýp ϕ 110, mái lợp tôn, kích thước dài 4m x rộng 2,5m;

- Công trình số 3 (Sân, cổng):

+ Sân lát gạch đỏ dài 12,5m x rộng 11m; -

+ Cổng dựng 04 cột tuýp ϕ 70 gắn Biển quảng cáo bằng sắt hộp, tôn. 02 cánh cổng sắt kích thước rộng 3m x cao 3,4m;

- Công trình số 4 (nhà vệ sinh): Xây dựng bằng gạch chỉ, vữa xi măng cát, tường 110mm. Kèo, xà gồ bằng tre, mái proximang, nền bê tông.

Diện tích: dài 3m x rộng 2m x cao 2,5m;

- Công trình số 5 (nhà ở + mái vảy):

Xây dựng bằng gạch chỉ, vữa xi măng cát, tường 110mm, bổ trụ 20 x 20cm, mái ngói, trần nhựa, kèo xà gồ bằng gỗ.

Kích thước: dài 7m x rộng 4,6m, cao 3,5m;

Mái vảy: lắp 03 cột tuýp tuýp sắt ϕ 60, kèo xà gồ sắt vuông, mái tôn, dài 8m x rộng 5,3m.

- Công trình số 6 (bếp):

Xây dựng bằng gạch chỉ, vữa xi măng cát, tường 110mm. Kèo, xà gồ bằng tre, mái proximang, nền gạch đỏ.

Kích thước: 4,2m x3m, cao 2,6m;

- Công trình số 7 (công trình phụ): xây dựng bằng gạch chỉ, vữa xi măng cát, tường 110mm, bổ trụ 220mm. Kèo, xà gồ bằng tre, mái ngói, nền gạch đỏ.

Kích thước: 6m x 2,6m, cao 2,2m;

- Công trình số 8 (Bể nước): xây dựng bằng gạch chỉ, vữa xi măng cát, lắp 04 cột tuýp tuýp sắt ϕ 76, bên trên có 01 téc nước.

Kích thước: dài 2,8m x rộng 1,2m, cao 1,1m;

- Công trình số 9: Sân lát gạch đỏ dài 13m x rộng 5,3m;

- Công trình số 10 (chuồng lợn):

Xây dựng bằng gạch chỉ, vữa xi măng cát, tường 110mm cao 1m, bổ trụ til 20 x30cm cao 2,5m, kéo xà gồ bằng tre, mái Proximang, nền bê tông; xây 01 bức tường gạch 110mm, cao 3,5m, rộng 8m.

Diện tích: dài 7,8m x rộng 8m x cao 3,5m;

- Công trình số 11: đường đi láng bê tông dài 50m, rộng 2,3m;

* Xung quanh thửa đất xây dựng bằng gạch chỉ, vữa xi măng cát, tường chà 110mm.

Cây trồng trên đất:

- Cau ta: 74 cây, đường kính từ 15 đến 25cm;

- Cây Mít: 11 cây, đường kính từ 5 đến 35cm, cao từ 1,5 đến 10m;

- Cây Táo: 07 cây, đường kính 15 đến 25cm, cao từ 1,5 đến 4m;

- Cây Bưởi: 104 cây, đường kính từ 7 đến 25cm, cao từ 1,5 đến 4m;

- Cây Xoài: 07 cây, đường kính từ 25 đến 40cm, cao từ 5 đến 7m;

- Cây Nhãn: 09 cây, đường kính từ 25 đến 45cm, cao từ 5 đến 8m;

- Cây Ôi: 04 cây, đường kính từ 15 đến 30cm, cao từ 3 đến 7m;

- Cây Sung: 01cây, đường kính 10cm, cao 1,5m;

- Cây Roi: 02 cây, đường kính từ 25 đến 45cm, cao từ 5 đến 8m;

- Cây Bơ: 01 cây, đường kính 25cm, cao khoảng 8m; dàn

- C: 01 cây, đường kính 40cm, cao khoảng 7m;

- Cây Trứng cá: 01 cây, đường kính 40cm, cao khoảng 7m;

- Cây Gấc: 05 gốc leo giàn;

- Cây Sưa: 08 cây, đường kính từ 5 đến 10cm, cao từ 5 đến 7m;

- Cây Chuối: 01 khóm.

Ngày 15/05/2014 ông làm đơn xin gia hạn sử dụng đất là phù hợp quy định pháp luật. Ngoài ra, cho đến nay, gia đình ông cũng chưa thấy đơn vị hành chính nào công khai quy hoạch sử dụng đất, công khai quyết định phê duyệt 1/500 đối với khu đất đang sử dụng.

Đề nghị hủy Quyết định hành chính gồm: *Quyết định số 212/QĐ-CT ngày 25/04/2022 của Chủ tịch UBND xã T, huyện M; Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện M; Quyết định số 1414/QĐ-KPHQ ngày 09/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện M; Quyết định số 1674/QĐ– CCXP ngày 24/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện M.*

Buộc UBND xã T và UBND huyện M bồi thường chi phí đầu tư vào diện tích đất theo đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch và UBND huyện M và Chủ tịch và UBND xã T trình bày:

- Nguồn gốc đất và quá trình sự dụng đất: Khu A cá, thôn Đ là đất công ích do UBND xã T quản lý thuộc tờ bản đồ số 5 và số 6 Bản đồ 299/TTg lập năm 1986.

- Thời hạn thuê đất: Ngày 30/01/1996, HTX N và UBND xã T họp bàn thống nhất cho thuê thầu đất từ ngày 30/3/1996 đến ngày 30/3/2016 (20 năm).

- Mục đích: Cho thuê đất để sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất, đã tự ý sử dụng trái mục đích, xây dựng công trình, tài sản trên đất.

Ngày 15/12/2003, UBND huyện ban hành Quyết định số 2166/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ ông H và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H. Qua kiểm tra việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H không đúng. Ngày 27/2/2009, UBND huyện ban hành Quyết định số 2806/QĐ-UBND về thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H. Tuy nhiên, các giấy chứng nhận này người dân vẫn đang giữ, chưa có giao dịch và khu đất ao cá này các hộ vẫn đang sử dụng.

Thanh lý, chấm dứt hợp đồng:

- Ngày 11/11/2015, UBND xã T ban hành Thông báo số 101/TB-UBND Thông báo về việc chuẩn bị hết hạn hợp đồng thuê đất khu chân đê thôn Đ, xã T, huyện M.

- Ngày 10/01/2017, UBND xã T ban hành Thông báo số 02/TB-UBND Thông báo về việc thanh lý hợp đồng thuộc khu vực Ao cá chân đê, thôn Đ, xã T.

Về bồi thường, hỗ trợ kinh phí:

- Ngày 01/11/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H ban hành Văn bản số 9249/STNMT-CCQLĐĐ về việc sử dụng đất công ích trên địa bàn huyện, trong đó khẳng định: *"việc các hộ gia đình thuê đất công ích đã đầu tư xây dựng công trình là để phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ trong thời hạn thuê đất đã được xác định, do đó sau khi hết thời hạn cho thuê đất, UBND xã T không có trách nhiệm phải hỗ trợ tài sản trên đất mà các hộ đã đầu tư xây dựng"*.

Do hợp đồng thuê đất đã chấm dứt từ năm 2016 và không được gia hạn nên hộ ông H không phải chủ sử sử dụng đất cho nên không được bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất.

Về giải quyết kiến nghị, khiếu nại:

- UBND xã T nhận được đơn đề nghị gia hạn QSDĐ khu Ao cá, thôn Đ, xã T (đơn ghi ngày 05/7/2015) của ông H với nội dung có nguyện vọng được nhà nước giao khu đất để tiếp tục sản xuất kinh doanh.

- Ngày 11/11/2015, UBND xã T ban hành Thông báo số 101/TB-UBND Thông báo về việc chuẩn bị hết hạn hợp đồng thuê đất khu chân đê thôn Đ, xã T, huyện M và gửi đến từng hộ gia đình đang sử dụng đất tại khu A cá.

- Ngày 06/01/2017, UBND xã T tổ chức hội nghị thanh lý HĐ với các hộ đã hết thời hạn thuê thầu đất khu Ao cá (tuy nhiên, các hộ không đồng ý ký biên bản thanh lý HĐ)

- Ngày 10/01/2017, UBND xã T ban hành Thông báo số 02/TB-UBND Thông báo về việc thanh lý hợp đồng thuộc khu vực Ao cá chân đê, thôn Đ, xã T.

- Không đồng ý với Thông báo của UBND xã, ông H tiếp tục có đơn khiếu nại gửi UBND xã, UBND huyện. UBND huyện đã báo cáo UBND Thành phố, Sở T xin ý kiến chỉ đạo. Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố, ngày 01/11/2017 Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H ban hành Văn bản số 9249/STNMT-CCQLĐĐ về việc sử dụng đất công ích trên địa bàn huyện, trong đó khẳng định: *"việc các hộ gia đình thuê đất công ích đã đầu tư xây dựng công trình là để phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ trong thời hạn thuê đất đã được xác định, do đó sau khi hết thời hạn cho thuê đất, UBND xã T không có trách nhiệm phải hỗ trợ tài sản trên đất mà các hộ đã đầu tư xây dựng"*.

- Trên cơ sở Văn bản số 9249/STNMT-CCQLĐĐ ngày 01/11/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H và chỉ đạo của UBND huyện tại Văn bản số 6572/UBND-TNMT ngày 28/11/2017, ngày 28/6/2018 UBND xã ban

hành văn bản số 100/UBND-HC về việc trả lời đơn đề nghị của công dân trong đó khẳng định việc các hộ dân đề nghị gia hạn hợp đồng là không có cơ sở.

- Ngày 9/1/2018 UBND xã T thông báo số 02/TB- UBND về việc bàn giao mặt bằng đất đã hết hạn thuê.

- Ngày 29/5/2018 các hộ dân khu Ao cá thôn Đ có đơn đề nghị bồi thường khi hết hợp đồng thuê đất công ích của xã. Ngày 28/6/2018 UBND xã T có văn bản trả lời đơn đề nghị của công dân;

- Qua nhiều thời gian đối thoại trao đổi, ông Đồng Văn H tuy đã hết hợp đồng thuê đất được 5 năm, vẫn không di chuyển tài sản trên đất để trả lại cho UBND xã T.

- Ngày 4/1/2020 UBND xã T thông báo thu dọn tài sản trên đất để trả lại đất cho UBND xã.

- Ngày 4/6/2020 lập Biên bản vi phạm hành chính ông Đồng Văn H về hành vi chiếm đất. Giao ông H biên bản vi phạm.

- Ngày 14/1/2020 UBND xã T nhận được đơn không đồng ý với thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê thầu đất nông nghiệp. Ngày 27/3/2020 UBND xã T ban hành văn bản số 49 về việc trả lời đơn của ông Đồng Văn H.

- Ngày 25/4/2022 UBND xã T đã ban hành Quyết định số 212/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của ông H đề nghị gia hạn thời hạn thuê đất.

- Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã T, ông H tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện M. Ngày 27/2/2023, Chủ tịch UBND huyện M đã ban hành Quyết định số 951/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần 2).

Chủ tịch và UBND huyện M, Chủ tịch và UBND xã T khẳng định đã ban hành các Quyết định hành chính đối với hộ ông H là đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H2, anh Đồng Văn H3, chị Đồng Mai L, anh Đồng Văn Q1 đều nhất trí với lời trình bày của ông Đồng Văn H.

Bản án hành chính sơ thẩm số 217/2023/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ Điều 18, 27, 28, 29, 31 Luật khiếu nại năm 2011.

Căn cứ Điều 33, 34 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 1 điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/9/2023, ông Đồng Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người bị kiện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đồng Văn H; sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 217/2023/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội: Giữ nguyên các quyết định hành chính bị khởi kiện, đình chỉ đối với yêu cầu bồi thường của ông Đồng Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Đối tượng khởi kiện và thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện M, thành phố Hà Nội, Chủ tịch và UBND xã T, huyện M; đơn khởi kiện trong thời hạn luật định nên Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông H đối với toàn bộ bản án:

Ông H khởi kiện với các yêu cầu: hủy các Quyết định số 212/QĐ-CT ngày 25/04/2022 của Chủ tịch UBND xã T, huyện M; Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện M; Quyết định số 1414/QĐ-KPHQ ngày 09/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện M; Quyết định số 1674/QĐ– CCXP ngày 24/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện M. Và Yêu cầu: Buộc UBND xã T và UBND huyện M bồi thường chi phí đầu tư vào diện tích đất theo đúng quy định của pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu hủy các quyết định hành chính:

[2.1.1] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 1414/QĐ-KPHQ ngày 09/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 1674/QĐ-CCXP ngày 24/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Về thẩm quyền, trình tự: Căn cứ quy định tại điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính việc ban hành các Quyết định trên là đúng trình tự thủ tục và có căn

cứ hoàn toàn phù hợp với quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Điều 33, 34 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Nguồn gốc đất của hộ ông H Khu Ao cá, thôn Đ là đất công ích do UBND xã T quản lý thuộc tờ bản đồ số 5 và số 6 Bản đồ 299/TTg lập năm 1986. Ngày 30/01/1996, HTX N Đông cao và UBND xã T họp bàn thống nhất cho thuê thầu đất từ ngày 30/3/1996 đến ngày 30/3/2016 (20 năm). Mục đích: Cho thuê đất để sản xuất nông nghiệp. Diện tích hộ ông H sử dụng là 3.490m^2 thửa số 37 tờ bản đồ số 6.

Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất, ông H đã tự ý sử dụng trái mục đích, xây dựng công trình, tài sản trên đất gồm nhà ở, nhà chăn nuôi, trồng cây trên đất. Năm 2015 ông H có đơn xin gia hạn thuê đất. Ngày 11/11/2015, UBND xã T ban hành Thông báo số 101/TB-UBND Thông báo về việc chuẩn bị hết hạn hợp đồng thuê đất khu chân đê thôn Đ, xã T, huyện M. Ngày 10/01/2017, UBND xã T ban hành Thông báo số 02/TB-UBND về việc thanh lý hợp đồng thuộc khu vực Ao cá chân đê, thôn Đ, xã T.

Khi hết hạn Hợp đồng thuê đất hộ ông H vẫn sử dụng mà không được các cấp có thẩm quyền ra hạn là hành vi chiếm đất được quy định tại Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Do vậy, ngày 4/6/2020 UBND xã T lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi chiếm đất đối với ông Đồng Văn H là đúng pháp luật. Cùng ngày đã giao ông H biên bản vi phạm. Tuy nhiên UBND xã T chưa kịp thời ban hành quyết định xử phạt là còn thiếu sót.

Sau đó, do đã hết thời hạn xử lý vi phạm, Chủ tịch UBND huyện M đã ban hành Quyết định số 1414/QĐ-KPHQ ngày 09/3/2023 về việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 1674/QĐ-CCXP ngày 24/3/2023 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định pháp luật.

[2.1.2] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 212/QĐ-CT ngày 25/04/2022 của Chủ tịch UBND xã T, huyện M về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu). Quyết định số 951/QĐ-CT ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

Xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Sau khi nhận được thông báo di dời tài sản trên đất để trả lại đất cho UBND xã khi hết hợp đồng thuê. Ông H có đơn khiếu nại. Nội dung khiếu nại: không đồng ý với thông báo số 04/TB- UBND ngày 6/1/2020 của UBND xã T về việc thu dọn tài sản trên đất nông nghiệp công ích khu ao cá thôn Đ, xã T. Người bị kiện đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại, tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ vào kết quả xác minh, Chủ tịch xã U, huyện M và Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 18, 27, 28, 29, 31 Luật khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên thời hạn ban hành

quyết định giải quyết khiếu nại còn vi phạm, do đó UBND xã T và UBND huyện M cần phải rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Sau khi nhận đơn khiếu nại của ông H, Chủ tịch UBND xã T và Chủ tịch UBND huyện M tiến hành thụ lý và đối thoại với ông H, xác minh nguồn gốc đất. Chủ tịch UBND xã T và Chủ tịch UBND huyện M căn cứ nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông H, hành vi vi phạm chiếm đất của ông H để ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại đối với ông H là đúng quy định pháp luật.

[2.1.3] Xét các quyết định liên quan là Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 15/12/2003 của UBND huyện M về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy 02288 do UBND huyện M cấp ngày 15/12/2003 cho hộ ông H. Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 27/2/2009 của UBND huyện M về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trái pháp luật cho hộ ông Đồng Văn H. Thông báo số 04/TB-UBND ngày 06/01/2020 của UBND xã T.

Năm 2003, UBND xã T, Phòng NN và PTNT đề nghị giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H. Ngày 15/12/2003, UBND huyện ban hành Quyết định số 2166/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho 29 hộ gia đình trong đó có hộ ông H. Ngày 30/7/2008, UBND huyện có Kết luận số 84/KL-CT về việc thẩm tra việc cấp GCNQSD đất nông nghiệp cho hộ gia đình ông H. Trong đó, kết luận việc cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình ông H, là cá nhân thuê đất nông nghiệp ở thôn Đ, xã T là sai do là đất công ích (đất quỹ II) thuộc UBND xã quản lý nên không thuộc trường hợp được cấp GCNQSĐ.

Ngày 27/2/2009, UBND huyện ban hành Quyết định số 2806/QĐ-UBND về thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H. Ngày 06/01/2020 UBND xã T ban hành Thông báo số 04/TB-UBND là đúng.

[2.2] Từ những phân tích nêu trên: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ khi bác yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn H về việc hủy các quyết định hành chính Quyết định số 212/QĐ-CT ngày 25/04/2022 của Chủ tịch UBND xã T, huyện M; Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện M; Quyết định số 1414/QĐ-KPHQ ngày 09/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện M; Quyết định số 1674/QĐ– CCXP ngày 24/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện M.

[2.3] Xét yêu cầu buộc UBND xã T, UBND huyện M bồi thường chi phí đầu tư tài sản vào diện tích đất ông H đang sử dụng, theo đúng quy định của pháp luật.

Ông H không ký kết hợp đồng thuê đất với UBND xã T, mà trình bày là mua lại đất của ông T. Ông H trình bày có giấy mua bán viết tay nhưng không lưu giữ được. Ông T trình bày trúng thầu nhưng ông T1 đại diện cho 3 hộ dân trúng thầu ký kết hợp đồng thuê đất với UBND xã T. Đến nay không đương sự nào xuất trình được hợp đồng thuê đất bản chính. Khi hết hợp đồng thuê đất UBND xã T nhiều lần thông báo thanh lý hợp đồng, đối thoại trao đổi với những hộ dân, yêu cầu thu dọn tài sản trên đất trả lại đất cho UBND xã T. Ngày

6/1/2020 UBND xã T ban hành thông báo số 04 về việc yêu cầu các hộ dân thu dọn tài sản trên đất trả lại đất cho UBND xã T. Ông H không đồng ý nên khiếu nại với thông báo này. Ông H cho rằng đã bỏ ra nhiều tiền của công sức nên đề nghị tiếp tục gia hạn hợp đồng thuê. Ngày 25/4/2022 UBND xã T đã ban hành Quyết định số 212/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của ông H đề nghị gia hạn thời hạn thuê đất. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã T, ông H tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện M. Ngày 27/2/2023, Chủ tịch UBND huyện M đã ban hành Quyết định số 951/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần 2). Như vậy, Quyết định số 212/QĐ-CT của UBND xã T và Quyết định số 951/QĐ-UBND của UNBD huyện M, không phải nguyên nhân gây ra những thiệt hại (nếu có) cho ông Đồng Văn H.

Bởi ông H có hành vi chiếm đất, UBND xã T đã lập biên bản và sau đó UBND huyện M ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, áp dụng biện pháp cưỡng chế khắc phục hậu quả là đúng pháp luật.

Theo quy định tại Điều 7 Luật tố tụng hành chính, các đương sự có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra. Do đó khi xét xử vụ án hành chính, Tòa án chỉ xem xét yêu cầu này khi thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra. Yêu cầu của người khởi kiện liên quan đến hợp đồng được ký kết giữa ông T1 và UBND xã T, ông Đồng Văn H là người sử dụng trên thực tế, không liên quan đến các quyết định cưỡng chế bị khởi kiện. Hơn nữa, hợp đồng thuê đất ký kết giữa UBND xã T không đương sự nào còn lưu giữ bản chính, ông H lại không trực tiếp ký kết hợp đồng với UBND xã T. Hơn nữa, cũng tại khoản 2 Điều 7 Luật tố tụng hành chính quy định: "trường hợp trong vụ án hành chính có yêu cầu bồi thường thiệt hại mà chưa có điều kiện chứng minh thì Tòa án có thể tách yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự".

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đáng ra phải căn cứ Điều 123, Điều 143 Luật tố tụng hành chính đình chỉ đối với yêu cầu này vì đây không phải là tranh chấp hành chính, không liên quan đến các quyết định hành chính bị kiện không thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm lại bác yêu cầu này là chưa phù hợp. Do đó với phần này cần phải sửa lại.

[4]. Về án phí sơ thẩm và các vấn đề khác: Về án phí sơ thẩm và các vấn đề khác, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đúng pháp luật.

[5] Như vậy, cần phải chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần yêu cầu bồi thường thiệt hại. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

[5]. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Ông Đồng Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số AA/2021/ 0001584 ngày 03/04/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần, nên ông Đồng Văn H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, 348, 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đồng Văn H.

[2]. Sửa một phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 217/2023/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, về phần yêu cầu bồi thường thiệt hại. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm được giữ nguyên, như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, Điều 7, Điều 123, Điều 143 Luật tố tụng hành chính. Căn cứ Điều 18, 27, 28, 29, 31 Luật khiếu nại năm 2011. Căn cứ Điều 33, 34 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Căn cứ khoản 1 điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn H về yêu cầu: "Buộc UBND xã T, UBND huyện M bồi thường chi phí đầu tư tài sản vào diện tích đất ông H đang sử dụng theo đúng quy định của pháp luật".

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện khác của ông Đồng Văn H.
- Về án phí sơ thẩm: Ông Đồng Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số AA/2021/ 0001584 ngày 03/04/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Ông Đồng Văn H không phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Trả lại ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 02630 ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, PHCTP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tiến